TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 945/2024/HS-PT
Ngày: 04 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Ngọc Hoa

Ông Trần Xuân Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai, trực tuyến (Điểm cầu trung tâm: Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Điểm cầu thành phần: Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh) vụ án hình sự thụ lý số 1193/2024/TLPT-HS ngày 21 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Đoàn Văn L bị kết án về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án số 96/2024/HS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Đoàn Văn L**; sinh ngày 04/6/1988, tại Quảng Ninh; nơi cư trú: T8, K6, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không. quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn L1 và bà Nguyễn Thị Bích D; có vợ là Nguyễn Thúy A (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đầu thú ngày 28/9/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Nguyễn Văn T- Công ty Luật G, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh (có mặt).

Trong vụ án còn có người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2016, Đoàn Văn L chuyển từ Công ty cổ phần kinh doanh than H sang làm nhân viên giao nhận than cho Công ty cổ phần kinh doanh than M và thường xuyên giao than cho Công ty tuyển than H. Trong khoảng thời gian này, L quen biết với anh Nguyễn Hồng S, sinh năm 1982, trú tại: T1, K1, phường C, thành phố H và anh Lương Phú C, sinh năm 1975, trú tại: T41, K4, phường C, thành phố H do cả hai đều làm việc tại Công ty tuyển than H.

Đầu năm 2020, biết anh S đã nghỉ việc tại Công ty tuyển than H và đang muốn đầu tư kinh doanh, L rủ anh S chung tiền góp vốn với Công ty TNHH dịch vụ thương mại và Vận tải T do chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1976, trú tại: T1, K4, phường H, thành phố H là giám đốc để mua lại 50% giá trị tàu đẩy NB6300 và hai xà lan ký hiệu 6301/6302 chạy dịch vụ vận tải trên biển, lợi nhuận chia đôi. Nghe L nói, anh S đồng ý và rủ thêm anh C cùng góp vốn đầu tư kinh doanh.

Sau khi anh S và anh C đồng ý tham gia góp vốn đầu tư, L thông báo cho cả hai biết giá trị tàu đẩy NB6300 và hai xà lan ký hiệu 6301/6302 mà chị N đã mua có giá 2.880.000.000đ (hai tỷ tám trăm tám mươi triệu đồng), 50% giá trị tàu tương đương số tiền 1.440.000.000đ (một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng), nếu đồng ý thì đưa số tiền trên cho L để L làm người đại diện góp vốn với chị N. Sau khi thỏa thuận, anh S thống nhất chia 50% giá trị tàu thành 04 (bốn) phần, mỗi phần tương đương 360.000.000đ, anh S góp hai phần là 720.000.000đ, hai phần còn lại anh C và L mỗi người một phần tương đương số tiền 360.000.000đ, anh C đồng ý và ngoài nộp phần của mình anh C còn cho L vay số tiền 160.000.000đ do L còn thiếu. Sau khi cả ba cùng thống nhất, L tìm gặp chị N đề nghị đầu tư góp vốn 50% giá trị tàu NB6300, lợi nhuận chia đôi và được chị N đồng ý. L thông báo cho anh S và anh C chuẩn bị tiền để đưa cho chị N.

Ngày 17/01/2020, anh S nhờ bạn là anh Dương Việt T, sinh năm 1983, trú tại: T5, K2, phường T, thành phố H chuyển 720.000.000đ cho L. Sau khi anh T nhắn tin thì L yêu cầu anh T chuyển 720.000.000đ vào tài khoản ngân hàng BIDV, số tài khoản 44010000583030 mang tên Nguyễn Thị N. Tiếp đó, L đến nhà anh C nhận trực tiếp số tiền góp vốn đầu tư 360.000.000đ và 160.000.000đ là

số tiền cho L vay. Sau đó L đến nhà chị N đưa cho chị N 720.000.000đ tiền mặt và cùng chị N làm Hợp đồng góp vốn kinh doanh, trong đó L góp vốn 50% tương đương số tiền 1.440.000.000đ với công ty T để kinh doanh tàu NB6300. Làm xong hợp đồng, L chụp ảnh hợp đồng gửi vào Zalo cho anh C xem. Sau khi có nguồn tiền của L góp vốn, chị N đưa tàu đẩy và xà lan tu sửa và đưa vào hoạt động, nhưng do tàu đẩy quá cũ, thường xuyên hỏng, phải sửa chữa nên gần như không có lợi nhuận để chia cho các bên.

Đến khoảng tháng 5/2020, chị N nói với L về việc tàu đẩy NB6300 thường xuyên hỏng, dự định mua thêm một tàu đẩy và hai xà lan để chạy cho năng xuất và muốn L cùng tham gia góp vốn để mua tàu. L tiếp tục rủ anh S và anh C cùng tham gia góp vốn, lần này ai có bao nhiêu góp bấy nhiêu. Anh S và anh C đồng ý. L thông báo cho chị N biết sẽ góp tiền với chị N để mua thêm tàu đẩy. Sau đó, L bảo anh C đưa trước cho L 300.000.000đ để đi Ninh Bình xem tàu. Sau khi nhận tiền của anh S, L không sử dụng vào việc đi xem tàu mà mang đi mua xe ô tô nhãn hiệu KIA Cerato, biển kiểm soát 14A-319.98. Vài ngày sau, L thông báo cho anh C biết đã có tàu, chỉ chờ ghép xà lan là có thể chạy nên bảo anh S, anh C chuẩn bị tiền để góp vốn. Anh S đồng ý góp 1.076.000.000đ, anh C góp 1.140.000.000đ. Sau khi thỏa thuận, anh C đưa trực tiếp cho L 840.000.000đ (do trước đó đã đưa cho L 300.000.000đ). Anh S chuyển cho L 02 lần tổng số tiền 1.076.000.000đ. Sau khi nhận của anh S, anh C tổng số tiền 1.916.000.000đ, L không bổ sung số tiền 300.000.000 đồng vào phần góp vốn của anh C mà chỉ chuyển khoản và đưa tiền mặt cho chị N với tổng số tiền 1.810.000.000đ, còn lại 106.000.000đ, L mang đi đánh bạc, tiêu xài cá nhân.

Sau khi nhận tiền từ L, chị N làm thủ tục mua lại tàu đẩy ký hiệu HD2195, hai xà lan ký hiệu 2464/6465 và thông báo cho L việc sẽ chuyển đổi ký hiệu tàu từ NB6300 thành QN7640, HD2195 thành QN7641 và đi vào hoạt động. Được khoảng 20 ngày thì tàu đẩy QN7641 bị hỏng máy nên chị N thông báo cho L việc sẽ bán tàu đẩy QN7640 đi lấy tiền để sửa chữa tàu đẩy QN7641 và gộp thành một tàu đẩy, bốn xà lan, L đồng ý nhưng không thông báo cho anh S, anh C biết. Sau đó, chị N bán tàu đẩy QN7640 được khoảng 300.000.000đ và sử dụng số tiền này vào việc sửa chữa lại tàu QN7641.

Sau khoảng thời gian chung tiền góp vốn với công ty T và để L làm người đại diện, anh S và anh C yêu cầu L phải có giấy tờ làm tin, L đồng ý. L và anh S làm Giấy giao nhận tiền góp vốn lấy ngày trước khi góp vốn là ngày 03/01/2020 với nội dung anh S giao cho L số tiền 2.000.000.000đ. Trên thực tế, số tiền mà

anh S đưa cho L chỉ có 1.796.000.000đ, nhưng do đầu tư làm ăn nhiều thời gian nên anh S bảo L đó là tiền lợi nhuận nên L đồng ý và ghi nhận đủ số tiền 2.000.000.000đ; viết Giấy giao nhận tiền góp vốn với anh C, lấy ngày 05/01/2020 làm mốc với nội dung anh C giao cho L số tiền 1.500.000.000đ.

Cũng trong năm 2020, anh S rủ anh C và L chung tiền mở quán bia với anh Phạm Quang B, sinh năm 1986, trú tại: T4A, k7A, phường H, thành phố H ở khu vực Cenco5, phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long, sau đó do không làm ăn được nên quán bia đóng cửa. Do không có thu nhập, L đã bán xe ô tô nhãn hiệu KIA Cerato, biển kiểm soát 14A-319.98 lấy tiền chi tiêu cá nhân và đi đánh bạc.

Do không có xe để đi lại, ngày 14/9/2020, biết anh Nguyễn Anh H, sinh năm 1982, trú tại: tổ 10, khu 3, phường B, thành phố H đăng tin cho thuê xe trên mạng xã hội FaceBook, L rủ bạn là Trương Phúc H1, sinh năm 1988, trú tại: tổ 11, khu 5, phường H, thành phố H đến nhà anh H để thuê xe Chevrolet Colorado Highcouty, biển kiểm soát 14C - 310.21" đi dài hạn. Tại đây, L nói do sổ hộ khẩu đang xin cấp lại nên mượn sổ hộ khẩu và nhờ H1 đứng ra là người làm chứng việc L thuê xe. Sau đó, L và anh H thống nhất tiền thuê xe là 20.000.000đ/tháng, một tháng thanh toán tiền một lần trước ngày 14, sau ba tháng phải trả xe. L nhận xe và đưa trước cho anh H 15.000.000đ tiền đặt cọc. Sau đó L sử dụng xe vào việc đi lại và đi đánh bạc tại khu vực thôn Tràng Bạch, thị xã Đông Triều và tại phường Hà Phong, thành phố Hạ Long. Trong các lần đi đánh bạc, L đều thua và tiếp tục vay của các anh tên K, Q (ở Ninh Bình, không xác định được nhân thân) với số tiền lần lượt là 150.000.000đ và 200.000.000đ không lãi xuất; vay của anh T (không xác định được nhân thân, nhà ở phường Cao Xanh) số tiền 450.000.000đ, lãi xuất là 1.000đ/triệu/ngày và vay tiền trên các app như Senmo, Doctordong, Ví liên hoa và rất nhiều các app khác nhau để lấy tiền đi đánh bạc. Thời điểm này, theo L khai, số tiền mà L vay khoảng 2.400.000.000đ.

Đến khoảng đầu tháng 11/2020, do số tiền vay nợ đi đánh bạc đã vượt quá khả năng chi trả, L nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền mà anh S, anh C đã góp vốn đầu tư với công ty T. Để thực hiện, L không nói với anh S, anh C về việc sẽ rút vốn tại công ty T mà tự tìm gặp chị Nguyễn Thị N xin rút toàn bộ số tiền đã đầu tư, chị N đồng ý và đã trả lại cho L 05 lần (cả chuyển khoản và đưa trực tiếp) tổng số tiền góp vốn là 3.250.000.000đ (L đã viết giấy biên nhận tiền). Sau đó L sử dụng số tiền 2.400.000.000đ trả nợ những người đã vay và trả nợ trên app, số tiền còn lại khoảng 800.000.000đ L tiếp tục mang đi đánh bạc, chi tiêu cá nhân hết.

Khoảng đầu tháng 3/2021, thấy việc góp vốn với công ty T không thu được lợi nhuận, anh S và anh C yêu cầu L rút vốn thì L quanh co, né tránh và thường xuyên tắt máy; khi anh S, anh C biết việc L đã rút vốn thì L thừa nhận và nói số tiền góp vốn L đã rút hết về mang đi đánh bạc và trả nợ.

Sau thời gian này, L nghỉ việc tại Công ty cổ phần kinh doanh than M, không có việc làm, không có tiền chi tiêu sinh hoạt, L tiếp tục đi vay tiền trên các app và không có tiền trả nợ. Sợ sẽ bị đăng ảnh, rêu rao trên các nền tảng mạng xã hội nên L nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe ô tô của anh H lấy tiền trả nợ. Khoảng tháng 6/2021, L liên hệ và mang xe ô tô thuê của anh H đến công ty cổ phần gara Hạ Long Auto của anh Phạm Văn T, sinh năm 1990, trú tại: tổ 33, khu 3, phường C, thành phố H để thế chấp chiếc xe lấy số tiền 250.000.000đ, lãi xuất 3000đ/triệu/ngày. Sau khi có tiền, L mang trả nợ tiền vay trên app và chi tiêu sinh hoạt cá nhân, trả tiền thuê xe cho anh H.

Được một thời gian L tiếp tục tìm thuê xe để đi lại. Do có mối quan hệ quen biết từ trước, ngày 07/9/2021 L liên lạc với anh Phạm Thanh T, sinh năm 1989, trú tại: tổ 3, khu 3, phường T, thành phố H để hỏi thuê xe đi dài hạn, anh T đồng ý và thỏa thuận cho L thuê xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, màu trắng, biển kiểm soát 14A - 350.81, giá thuê xe là 900.000đ/ngày, 10 ngày thanh toán tiền một lần. Ngày 17/9/2021, L chuyển khoản trả anh T tiền thuê xe là 9.000.000đ. Đến ngày 27/9/2021, anh T yêu cầu L mang xe ô tô đến để kiểm tra, nhưng L không mang xe đến mà chỉ đưa tiếp cho anh T 9.000.000đ tiền thuê xe. Đến ngày 29/9/2021, do hết tiền tiêu xài, L điều khiển xe ô tô đến nhà anh Đặng Hoàng V, sinh năm 1980, trú tại: tổ 9, khu 5, phường H, thành phố H để thế chấp vay số tiền 160.000.000đ, nhưng V không nhận thế chấp xe mà cho L vay số tiền trên không lãi xuất và theo L khai: để V có niềm tin hơn, L đã gửi lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, màu trắng, biển kiểm soát 14A 350.81 cho V trông giữ và viết "Giấy gửi xe" theo yêu cầu của V với nội dung "L nhờ anh V trông hộ, chỉ có L mới có quyền lấy xe". Sau khi nhận tiền, L sử dụng để trả hết các khoản nợ vay trên app và làm thủ tục ly hôn vợ là Nguyễn Thúy A rồi đổi số điện thoại, bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh, không liên lạc với ai.

Đối với anh T và H, sau thời gian L thế chấp xe, hai anh tiếp tục yêu cầu L thanh toán tiền thuê và mang xe đến để kiểm tra nhưng L chỉ chuyển 02 lần tiền thuê xe cho anh T là 14 triệu đồng và chưa thanh toán tiếp cho anh H. Anh T và H đi tìm L nhưng không được.

Sau nhiều ngày không liên lạc được với L, anh T kiểm tra hệ thống định vị thì xác định chiếc xe ô tô Mazda CX5, biển kiểm soát 14A - 350.81 đang ở tại thôn 14, xã Hiệp Hòa, thị xã Quảng Yên. Cho rằng L mang xe ô tô đi cầm cố, ngày 02/12/2021, anh T đến Cơ quan điều tra để trình báo, Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe trên. Đến ngày 17/12/2021 Anh Nguyễn Hồng S, anh Lương Phú C và anh Nguyễn Anh H đến Cơ quan điều tra tố giác Đoàn Văn L có hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Đối với chiếc xe L thuê của anh Nguyễn Anh H, khi Cơ quan điều tra đang điều tra xác minh, anh H đã được một thanh niên không rõ lai lịch gọi điện trao đổi về việc Đoàn Văn L cầm cố chiếc xe ô tô của anh H tại hiệu cầm đồ của người này và đề nghị anh H chuộc lại xe với giá 200 triệu đồng, anh H thỏa thuận với thanh niên này giá chuộc xe 150 triệu đồng và đã được trả lại chiếc xe tại khu đối diện UBND tỉnh Quảng Ninh, sau đó anh H đã cung cấp thông tin liên quan đến chiếc xe này cho Cơ quan điều tra để phục vụ điều tra.

Ngày 28/9/2023, Đoàn Văn L nhận thấy hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Hồng S, Lương Phú C, Nguyễn Anh H và Phạm Thanh T là hành vi vi phạm pháp luật nên đến Cơ quan điều tra xin đầu thú thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 217/KLĐGTS ngày 11/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Hạ Long kết luận: 01 (một) xe ô tô con nhãn hiệu Mazda, số loại CX-5, màu trắng, biển kiểm soát 14A - 350.81, sản xuất năm 2018, đăng ký lần đầu ngày 11/01/2019, số máy: PE31231966, số khung: RN2KF5726JC101221 tại thời điểm tháng 9/2021 có giá 808.372.400đ (tám trăm linh tám triệu ba trăm bảy hai nghìn bốn trăm đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 28/KLĐGTS ngày 20/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Hạ Long kết luận: 01 (một) xe ô tô tải pickup cabin kép nhãn hiệu Chevrolet, loại Colorado, màu trắng, biển kiểm soát 14C - 310.21, đăng ký lần đầu ngày 06/10/2017, số máy: HBG121151192, số khung: 8PK0JH602735 tại thời điểm tháng 11/2021 có giá 462.843.000đ (bốn trăm sáu hai triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Tại Bản án số 96/2024/HS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn L phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng: khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g

khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn L 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/9/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, tuyên các quyền và nghĩa vụ khác.

Ngày 04/9/2024, bị cáo Đoàn Văn L nộp đơn kháng cáo đề nghị giảm hình phạt tù cho bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Đoàn Văn L giữ nguyên kháng cáo. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo nêu trong nội dung bản án sơ thẩm là đúng, bản án sơ thẩm kết án bị cáo phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự là đúng. Bị cáo đề nghị giảm hình phạt tù vì mức án cao, đã nhận thức được hành vi là sai trái, đã ăn năn hối cải, đã khắc phục toàn bộ hậu quả gây ra, là lao động chính trong gia đình, phải nuôi cha mẹ già và 3 con nhỏ, gia đình có công với cách mạng, bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Tòa án cấp sơ thẩm kết án và xử phạt bị cáo Đoàn Văn L 07 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí án sơ thẩm về tội danh, điều khoản của Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên mức án thấp hơn mức án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn L làm đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đoàn Văn L thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 11/2020 đến tháng 9/2021, tại thành phố H, Quảng Ninh, Đoàn Văn L đã có hành vi thuê xe ô tô tự lái của các anh Phạm Thanh T, Nguyễn Anh H và rủ các anh Lương Phú C, Nguyễn Hồng S góp vốn đầu tư để cùng làm ăn. Sau khi thuê được xe và rủ góp vốn đầu tư thành công, do ham mê cờ bạc, lười lao động, L đã vay nợ nhiều tiền để đánh bạc và tiêu xài cá nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ, nên đã mang 02 xe ô tô của anh T, H đi thế chấp, vay tiền và rút tiền góp vốn đầu tư của anh C và S sau đó mang đi trả nợ, đánh bạc, tiêu xài rồi bỏ trốn khỏi địa phương. Tổng số tiền Đoàn Văn L chiếm đoạt của các bị hại là 4.567.215.400 đồng, trong đó của anh Phạm Thanh T là 808.372.400 đồng; của anh Nguyễn Anh H là 462.843.000 đồng; của anh Lương Phú C là 1.500.000.000 đồng và Nguyễn Hồng S là 1.796.000.000 đồng.

[3] Bị cáo Đoàn Văn L có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi phạm tội của bị cáo trực tiếp xâm hại quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 4.567.215.400 đồng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Đoàn Văn L phạm tội "lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn L:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết của vụ án, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét nhân thân của bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng: Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho các bị hại, được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ này quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Phạm tội từ hai lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự và quyết định mức hình phạt 07 năm tù đối với bị cáo Đoàn Văn L là có căn cứ. Tuy nhiên, xét bị cáo lần đầu bị kết án, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc biệt đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại. Tại cấp phúc thẩm bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng: Bị cáo đầu thú và ông nội của bị cáo là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huy chương nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo và sửa bản án sơ

thẩm, giảm một phần hình phạt tù cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo được được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 355, Điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn L và sửa quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Đoàn Văn L:

Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn L phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn L 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/9/2023.

2. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Đoàn Văn L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- CQĐT Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu: HS,, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Quang Dũng